

Bản án số: 264/2022/HC-PT

Ngày: 23/11/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**
Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắng** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 154/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 8 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2022/QĐPT-HC ngày 26 tháng 10 năm 2022;

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 11, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Phó Chủ tịch; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn T - Phó giám

độc T tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Anh T; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Ông Lê Bình N, ông Lê Anh T1, ông Lê Anh T2. Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Xuân T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Lê Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là ông Đỗ Anh T trình bày:

Năm 1980 bố mẹ ông T là ông Nguyễn Đình T3 và bà Nguyễn Thị L có khai hoang được một lô đất, nay thuộc thửa đất số: 241, tờ bản đồ số: 17- 2, diện tích: 420,9m², địa chỉ thửa đất: Thôn 1, xã H, thành phố B trồng khoai sắn để cải thiện cuộc sống. Đến năm 1991 ông T xây dựng gia đình thì được bố mẹ cho lô đất trên để tiếp tục canh tác đến nay và không có tranh chấp. Ngày 12/01/2021 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình đường Đông Tây đoạn giáp địa bàn phường L đến nghĩa địa thôn 1, xã H (Đợt 3) của thửa đất số: 241, tờ bản đồ số 17-2, diện tích 420,9m², địa chỉ thửa đất: Thôn 1, xã H, thành phố B của hộ ông Lê Xuân T và bồi thường cho ông T với số tiền 23.488.931 đồng là không đúng. Vì nguồn gốc đất của hộ gia đình ông Lê Xuân T là đất khai hoang, hộ gia đình ông Lê Xuân T không hề biết và chưa được nhận Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 27.809 ha đất của Công ty cà phê V tại xã H, thành phố B giao cho UBND thành phố B quản lý.

Nhận thấy, quyết định trên ban hành không đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Mục 2 khoản 2 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 9 và Mục 2, 3, 5 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Điều 16, Điều 17, Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ - UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và nay là Điều 17, Điều 18, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khi thu hồi đất đối với hộ gia

đình ông Lê Xuân T, Ủy ban nhân dân thành phố B không bồi thường, hỗ trợ diện tích 420,9m² đất nông nghiệp và các hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, không bồi thường, hỗ trợ cây trồng từ năm 2009 đến năm 2015 là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết:

Tuyên hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình đường đông tây đoạn giáp địa bàn phường L đến nghĩa địa Thôn 1, xã H (Đợt 3) của Thửa đất số: 241, Tờ bản đồ số 17-2, diện tích 420,9 m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn 1, xã H, thành phố B với số tiền 23.488.931 đồng đối với hộ ông Lê Xuân T (Gọi tắt là Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường và bổ sung phần chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, hỗ trợ tiền sử dụng đất trước 15/10/1993 với diện tích đất nông nghiệp 420,9m², hỗ trợ trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc và các hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bồi thường, hỗ trợ cây trồng từ năm 2009 đến năm 2015 cho hộ ông Lê Xuân T. Buộc UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho hộ ông T.

Tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho hộ ông T.

Ông Lê Đại Thắng là người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày:

Đối với đơn khởi kiện của ông Lê Xuân T khởi kiện Quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện có ý kiến như sau:

Về đất: Năm 1986 hộ ông Lê Xuân T chiếm đất bờ lô của nông trường cà phê Việt Đức nay là công ty Cà phê V để trồng cây cà phê. Thửa đất thu hồi của hộ ông Lê Xuân T là thửa đất số 241, tờ bản đồ số 17-2, xã H (tổng diện tích đo đạc thực tế là 420,4 m²) đã được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty Cà phê V tại xã H giao lại cho UBND thành phố B quản lý. Căn cứ Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì hộ ông Lê Xuân T không được bồi thường về đất.

Về vật kiến trúc: Đối với nhà và vật kiến trúc không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng trên đất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% đối với từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

Về cây trồng:

- Đối với các loại cây trồng trước Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk, trồng đúng mật độ trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được bồi thường 100% đơn giá. Cây trồng xen tính bằng 80% đơn giá của cây trồng cùng chủng loại và vượt mật độ trên 100% không được bồi thường và theo thời điểm sử dụng đất.

- Đối với loại cây trồng sau Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì không được bồi thường, hỗ trợ.

- Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk và căn cứ Mục 5 Khoản 9 Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Về chính sách hỗ trợ: Hộ ông Lê Xuân T đang sử dụng thửa đất số 241, tờ bản đồ số 17-2, xã H thuộc đất của công ty cà phê V, đã được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty Cà phê V tại xã H giao lại cho UBND thành phố B quản lý.

Hộ ông T không có hợp đồng giao khoán sử dụng đất. Căn cứ Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. UBND thành phố B đã thực hiện đúng quy trình, đúng với Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đông Tây, thành phố B. Từ những căn cứ trên người bị kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Xuân T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bình N, ông Lê Anh T1, ông Lê Anh T2 trình bày:

Ông N, ông T1, ông T2 thống nhất với lời trình bày của ông T và bà H và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T.

Tại Bản án sơ thẩm 47/2022/HC-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 64, Điều 76, Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T.

- Hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình đường đông tây đoạn giáp địa bàn phường L đến nghĩa địa Thôn 1, xã H (Đợt 3) của Thửa đất số 241, Tờ bản đồ số 17-2, diện tích 420,9 m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn 1, xã H, thành phố B đối với hộ ông Lê Xuân T.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cây trồng sau khi có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Lê Xuân T theo đúng quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu của ông Lê Xuân T về việc buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho hộ ông Lê Xuân T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tạm ứng án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/7/2022, ông Lê Xuân T có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền người khởi kiện ông Đỗ Anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Diện tích đất 420,9m² hộ ông T sử dụng tại thửa 241, tờ Bản đồ 17.2 không kê khai, đăng ký với UBND xã H(địa phương) và không có giấy tờ gì, nhưng đã sử dụng từ năm 1986. Đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người liên quan bà Nguyễn Thị H: Thống nhất trình bày của đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Đỗ Anh T.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án sơ thẩm xét xử là đúng, ông T kháng cáo nhưng không có gì mới; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phiên tòa mở lần thứ hai người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, những người liên quan đã được Tòa án giao Giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Xuân T, thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu do các bên đương sự cung cấp, lời trình bày của các bên đương sự cũng như qua kết quả xác minh tại địa phương thì thửa đất thu hồi của hộ ông Lê Xuân T là thửa đất số 241, tờ bản đồ số 17-2, xã H (tổng diện tích đo đạc thực tế là 420,4 m²) có nguồn gốc: Năm 1986 hộ ông Lê Xuân T chiếm đất bờ lô của nông trường cà phê Việt Đức nay là công ty Cà phê V để trồng cây cà phê và sử dụng nhưng không kê khai và đăng ký với UBND xã H và cũng không có hợp đồng giao khoán sử dụng đất với Công ty Cà phê V. Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty Cà phê V tại xã H giao lại cho UBND thành phố B quản lý trong đó có diện tích 420,4 m² đất của hộ ông Lê Xuân T; việc UBND thành phố B không bồi thường về đất cho ông T là do đất của ông T nằm trong phạm vi đất bị thu hồi của Công ty cà phê V (BL: 117, 118). Căn cứ Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì hộ ông Lê Xuân T không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

[2.2] Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thấy: Hộ ông Lê Xuân T đang sử dụng thửa đất số 241, tờ bản đồ số 17-2 xã H thuộc đất của Công ty cà phê V, đã được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty Cà phê V tại xã H giao lại cho UBND thành phố B quản lý. Nguồn gốc đất của hộ ông Lê Xuân T có nguồn gốc lấn chiếm đất bờ lô của Công ty cà phê V, không có hợp đồng giao khoán sử dụng đất. Căn cứ các điều 64, 76, 82 Luật đất đai 2013, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì hộ

ông T không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cũng như không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do vậy, đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, đề nghị hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của ông T là không có căn cứ.

[3] Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T: Hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình đường Đông Tây đoạn giáp địa bàn phường L đến nghĩa địa Thôn 1, xã H (Đợt 3) của Thửa đất số: 241, Tờ bản đồ số: 17-2, Diện tích: 420,9 m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn 1, xã H, thành phố B. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cây trồng sau khi có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Lê Xuân T theo đúng quy định của pháp luật. Bác yêu cầu của ông Lê Xuân T về việc buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho hộ ông T là có căn cứ và đúng pháp luật. Ông Lê Xuân T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông Lê Xuân T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Xuân T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2022/HC-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk .

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Lê Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số A/2021/0020593 ngày 3/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Lê Xuân T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn